

Số: 3460/QĐ-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về Điểm chuẩn xét tuyển sinh Đại học hình thức Vừa làm vừa học

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng trường về công tác cán bộ lãnh đạo trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-ĐHSPKT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về Kiện toàn Hội đồng tuyển sinh Đại học hình thức Vừa làm vừa học 2022;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học 2022 của trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM;

Theo đề nghị của thường trực Hội đồng tuyển sinh VLVH năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều kiện và số lượng thí sinh trúng tuyển vào hệ Đại học hình thức Vừa làm vừa học- Đợt Tháng 12/2022 của trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM, địa điểm học tại trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM như sau:

- Điểm chuẩn và số lượng trúng tuyển theo ngành/khối: (Danh sách thí sinh kèm theo)

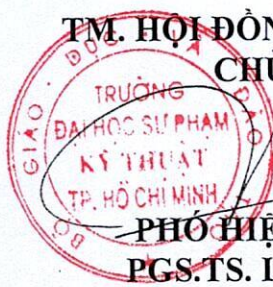
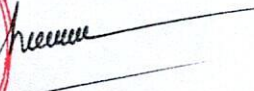
Stt	Khối	Ngành	Mã ngành TS	Điểm chuẩn TT		Số lượng TT
				TD 10	TD 4	
1	Liên thông từ Trung cấp	Công nghệ chế tạo máy	7510202LT	6.50	2.15	18
2	Liên thông từ Trung cấp	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205LT	6.50	2.15	23
3	Liên thông từ Trung cấp	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301LT	6.50	2.15	27
3	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ thông tin	7480201LC	6.50	2.15	30
4	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102LC	6.50	2.15	18

6	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ chế tạo máy	7510202LC	6.50	2.15	80
6	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203LC	6.50	2.15	80
7	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205LC	6.50	2.15	68
8	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206LC	6.50	2.15	75
9	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301LC	6.50	2.15	104
10	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302LC	6.50	2.15	69
11	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303LC	6.50	2.15	67
12	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ May	7540209	6.50	2.15	16
Tổng						675

Điều 2. Trưởng các Phòng/Ban, Khoa, các Đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong Danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐTS VLVH 2022;
- Lưu: VT; ĐTKCQ, 5b.


TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 346/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

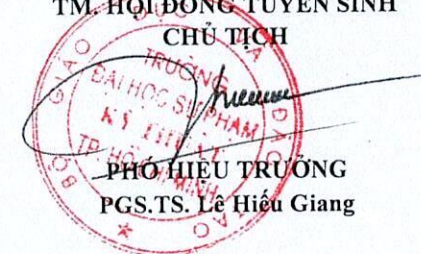
Đối tượng: **Liên thông từ Trung cấp**

Ngành: **Công nghệ chế tạo máy**

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-K-C11	Ô Gia Bảo	06/08/2003	Nam	7510202	TC	8.20		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp Gò Công	300,000	-	300,000	93	4638
2	SP-K-C12	Huỳnh Quốc Cường	13/03/2003	Nam	7510202	TC	7.40		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ BRVT	300,000	-	300,000	97	4825
3	SP-K-C13	Nguyễn Công Danh	17/01/2004	Nam	7510202	TC		3.50	TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp KTCN Phước Lộc	300,000	-	300,000	96	4786
4	SP-K-C14	Trần Quốc Dũng	05/08/2003	Nam	7510202	TC	7.70		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	91	4542
5	SP-K-C15	Ngô Chánh Đạt	23/09/1990	Nam	7510202	TC	7.30		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng nghề Việt Nam-Singapore	300,000	-	300,000	106	5277
6	SP-K-C16	Bạch Sỹ Đồng	10/07/1989	Nam	7510202	TC	6.60		TT	Hàn	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh	300,000	-	300,000	101	5033
7	SP-K-C18	Dương Gia Huy	30/12/2002	Nam	7510202	TC	7.20		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp Gò Công	300,000	-	300,000	97	4830
8	SP-K-C19	Lương Cao Quốc Khánh	06/07/2001	Nam	7510202	TC	7.50		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng KTCN Bà Rịa Vũng Tàu	300,000	-	300,000	96	4765
9	SP-K-C110	Đoàn Minh Hải Long	14/08/2000	Nam	7510202	TC	7.10		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp Gò Công	300,000	-	300,000	93	4641
10	SP-K-C111	Trần Công Lý	13/03/2002	Nam	7510202	TC	7.30		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp Gò Công	300,000	-	300,000	99	4945
11	SP-K-C113	Phan Hoài Nam	22/01/1999	Nam	7510202	TC	6.81		TT	Cơ khí chế tạo	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5268
12	SP-K-C114	Nguyễn Hồng Phát	22/08/1998	Nam	7510202	TC	7.08		TT	Cơ khí chế tạo	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5114
13	SP-K-C115	Trần Thiện Phúc	11/02/2003	Nam	7510202	TC		3.42	TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp nghề KTCN Hùng Vương	300,000	-	300,000	95	4744
14	SP-K-C116	Nguyễn Hồng Sơn	20/11/1998	Nam	7510202	TC	7.40		TT	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	100	4967
15	SP-K-C117	Hoàng Quang Tâm	10/09/1998	Nam	7510202	TC	8.10		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	88	4361
16	SP-K-C121	Vũ Minh Trí	26/09/2004	Nam	7510202	TC	7.50		TT	Cắt gọt kim loại	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	89	4434
17	SP-K-C122	Phạm Văn Trí	13/01/2002	Nam	7510202	TC	7.80		TT	Cơ khí chế tạo	Cao đẳng nghề CNC Đồng Nai	300,000	-	300,000	103	5142
18	SP-K-C123	Nguyễn Quang Trường	17/01/2004	Nam	7510202	TC	7.30		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ BRVT	300,000	-	300,000	97	4824

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 346/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Trung cấp

Ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-K-OT11	Đỗ Văn Cường	28/09/2000	Nam	7510205	TC	8.00		TT	Cơ khí động lực	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4773
2	SP-K-OT12	Nguyễn Khánh Dư	12/03/2004	Nam	7510205	TC	7.40		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	95	4702
3	SP-K-OT13	Hoàng Tiến Đạt	19/08/2004	Nam	7510205	TC	7.80		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	89	4410
4	SP-K-OT14	Huỳnh Minh Hải	27/10/2004	Nam	7510205	TC	7.60		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	93	4634
5	SP-K-OT15	Lâm Chí Hiệp	26/12/2000	Nam	7510205	TC	7.70		TT	Bảo trì sửa chữa ô tô	Trung cấp Bách Nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4719
6	SP-K-OT17	Lâm Tuấn Kiệt	17/04/1999	Nam	7510205	TC	6.79		TT	Cơ khí động lực	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5115
7	SP-K-OT18	Đinh Trần Minh Kỳ	03/12/2003	Nam	7510205	TC	8.00		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	98	4875
8	SP-K-OT19	Nguyễn Gia Khiêm	14/05/2004	Nam	7510205	TC	7.20		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	93	4619
9	SP-K-OT110	Đặng Văn Châu Khương	06/02/2003	Nam	7510205	TC	9.00		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	96	4798
10	SP-K-OT111	Lê Nguyễn Sơn Lâm	29/04/2001	Nam	7510205	TC	7.10		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	103	5145
11	SP-K-OT112	Trần Bá Long	12/09/1997	Nam	7510205	TC		3.23	TT	Công nghệ ô tô	Cao đẳng kỹ thuật Đồng Nai	300,000	-	300,000	102	5056
12	SP-K-OT113	Danh Thành Lộc	24/07/2001	Nam	7510205	TC	8.60		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	92	4596
13	SP-K-OT114	Nguyễn Văn Minh	06/03/2001	Nam	7510205	TC	6.90		TT	Bảo trì sửa chữa ô tô	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5269
14	SP-K-OT115	Nguyễn Trọng Nghĩa	30/06/2000	Nam	7510205	TC	7.70		TT	Cơ khí ô tô	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5116
15	SP-K-OT116	Đỗ Lưu Khôi Ngoan	28/09/2004	Nam	7510205	TC	6.80		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp Gò Công	300,000	-	300,000	93	4637
16	SP-K-OT117	Nguyễn Văn Phước	10/07/1996	Nam	7510205	TC	7.40		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5117
17	SP-K-OT118	Nguyễn Lê Anh Tài	24/12/1998	Nam	7510205	TC	7.10		TT	Công nghệ ô tô	Trung cấp Đồng Sài Gòn	300,000	-	300,000	105	5202
18	SP-K-OT119	Dương Minh Tâm	04/10/2003	Nam	7510205	TC	6.70		TT	Công nghệ ô tô	Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi	300,000	-	300,000	136	6752
19	SP-K-OT121	Trần Trương Trường Tuấn	10/10/2003	Nam	7510205	TC	7.10		TT	Bảo trì sửa chữa ô tô	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5265
20	SP-K-OT122	Nguyễn Minh Tuấn	13/01/2004	Nam	7510205	TC	8.10		TT	Công nghệ ô tô	Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc	300,000	-	300,000	88	4392

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
21	SP-K-OT123	Mai Tiến Thành	01/01/1998	Nam	7510205	TC	8.60		TT	Bảo trì sửa chữa ô tô	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4754
22	SP-K-OT124	Nguyễn Huỳnh Vũ	31/07/2000	Nam	7510205	TC	7.00		TT	Công nghệ ô tô	Cao đẳng nghề An Giang	300,000	-	300,000	95	4735
23	SP-K-OT125	Nguyễn Anh Vũ	17/03/1986	Nam	7510205	TC	6.75		TT	Sửa chữa ô tô	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5242

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 346/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

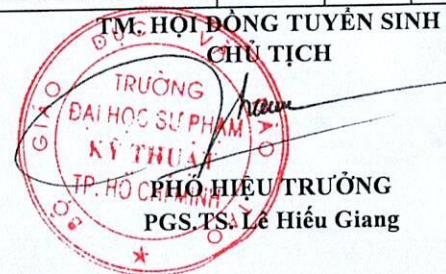
Đối tượng: Liên thông từ Trung cấp

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-K-D11	Nguyễn Thanh Bình	06/10/2002	Nam	7510301	TC	7.10		TT	Điện Công nghiệp	Cao đẳng nghề Ninh Thuận	300,000	-	300,000	135	6728
2	SP-K-D13	Nguy Quang Chung	08/01/1990	Nam	7510301	TC	8.60		TT	Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5119
3	SP-K-D15	Dương Thành Đô	06/07/1997	Nam	7510301	TC	8.66		TT	Điện công nghiệp và dân dụng	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5124
4	SP-K-D16	Đỗ Văn Đức	24/11/2003	Nam	7510301	TC	7.90		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp nghề Tư thực Tân Tiến	300,000	-	300,000	99	4916
5	SP-K-D17	Vũ Trung Hiếu	26/08/1999	Nam	7510301	TC	7.00		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng KTKT Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5141
6	SP-K-D18	Đinh Duy Huy	13/05/1982	Nam	7510301	TC	6.60		TT	Điện Công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5118
7	SP-K-D19	Dương Hào Huy	14/07/1999	Nam	7510301	TC	7.40		TT	Điện Công nghiệp	Cao đẳng KTKT Tp.HCM	300,000	-	300,000	95	4731
8	SP-K-D110	Lê Quốc Khang	22/03/2004	Nam	7510301	TC	8.00		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp nghề Tân Tiến	300,000	-	300,000	92	4586
9	SP-K-D111	Nguyễn Văn Lâm	01/10/1986	Nam	7510301	TC	8.37		TT	Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5125
10	SP-K-D112	Chu Văn Linh	08/11/2002	Nam	7510301	TC	6.80		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp nghề TP Dĩ An	300,000	-	300,000	97	4801
11	SP-K-D114	Chiêm Đức Lộc	10/02/1999	Nam	7510301	TC	8.00		TT	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5189
12	SP-K-D115	Nguyễn Ngọc Minh	04/03/2004	Nam	7510301	TC	7.40		TT	Điện Công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh	300,000	-	300,000	101	5048
13	SP-K-D116	Nguyễn Văn Minh	13/01/1988	Nam	7510301	TC	7.30		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	101	5028
14	SP-K-D117	Nguyễn Trung Nghĩa	20/11/2003	Nam	7510301	TC	8.60		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp nghề Tân Tiến	300,000	-	300,000	99	4917
15	SP-K-D118	Vương Hiệp Phát	01/09/2000	Nam	7510301	TC	7.40		TT	CN Kỹ thuật điều khiển tự động	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5120
16	SP-K-D119	Nguyễn Duy Phương	25/11/1993	Nam	7510301	TC	7.60		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp KTKT Long An	300,000	-	300,000	97	4828
17	SP-K-D120	Nguyễn Dương Đình Quý	10/09/2004	Nam	7510301	TC	8.30		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp nghề Củ Chi	300,000	-	300,000	105	5246
18	SP-K-D122	Hà Xuân Sang	19/06/1999	Nam	7510301	TC	8.40		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp nghề Đắk Nông	300,000	-	300,000	102	5085
19	SP-K-D123	Trang Thành Tâm	06/05/1997	Nam	7510301	TC	6.60		TT	Điện Công nghiệp	Cao đẳng nghề Kiên Giang	300,000	-	300,000	88	4389
20	SP-K-D124	Phan Nhật Tân	26/10/2004	Nam	7510301	TC	7.70		TT	Điện Công nghiệp	Trung cấp Kĩ thuật Công nghệ Phước Lộc	300,000	-	300,000	105	5236
21	SP-K-D126	Nguyễn Ngọc Tình	15/05/1994	Nam	7510301	TC	6.87		TT	Điện tử công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5123
22	SP-K-D127	Quách Trọng Toàn	25/10/1996	Nam	7510301	TC	6.60		TT	Quản lý vận hành và sửa chữa HDT THT	Cao đẳng Điện lực TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6732

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
23	SP-K-D129	Ngô Tấn Thanh	05/06/1990	Nam	7510301	TC	6.60		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5093
24	SP-K-D130	Nguyễn Xuân Thành	22/11/1989	Nam	7510301	TC	6.90		TT	Điện công nghiệp và dân dụng	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4763
25	SP-K-D131	Đặng Thế Trung	14/01/1999	Nam	7510301	TC	7.56		TT	Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4433
26	SP-K-D132	Hồ Tuấn Vũ	19/12/1991	Nam	7510301	TC	6.70		TT	Điện Công nghiệp	Cao đẳng Công Thương TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5059
27	SP-K-D133	Nguyễn Đại Vương	01/01/1999	Nam	7510301	TC	7.08		TT	Điện công nghiệp và dân dụng	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	92	4585



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ thông tin

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TD 10	TD 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-TT12	Phùng Khả Hào	30/11/2001	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	6.77		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5084
2	SP-CT-TT14	Trần Quang Linh	08/5/2001	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.97		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5177
3	SP-CT-TT15	Nguyễn Minh Phương	25/11/1999	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	6.69		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4761
4	SP-CT-TT16	Trần Đức Anh Tú	27/4/2001	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	6.96		TT	Công nghệ phần mềm	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4961
5	SP-CT-TT17	Đoàn Văn Thiện	29/4/2001	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.07		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5015
6	SP-CT-TT18	Nguyễn Đức Trọng	12/06/1997	Nam	7480201	CĐCN/KSTH		3.07	TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kinh tế công nghệ TPHCM	300,000	-	300,000	104	5193
7	SP-LT-TT19	Lưu Mạnh Cường	19/11/1997	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.60		TT	Công nghệ thông tin	Đại học FPT	300,000	-	300,000	103	5127
8	SP-LT-TT110	Nguyễn Văn Chiêu	07/03/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.59		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	-	300,000	97	4817
9	SP-LT-TT111	Đỗ Lê Ngọc Diễm	05/12/1997	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	8.10		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng công nghệ quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	103	5126
10	SP-LT-TT112	Đỗ Trường Duy	08/8/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.91		TT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	-	300,000	103	5128
11	SP-LT-TT113	Nguyễn Hiền Duy	20/3/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.40		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5229
12	SP-LT-TT114	Nguyễn Xuân Đạt	10/9/1998	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.77		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Vinatex TPHCM	300,000	-	300,000	105	5239
13	SP-LT-TT116	Nguyễn Công Hoàng	16/6/1998	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.02		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5228
14	SP-LT-TT117	Trần Thị Mỹ Huệ	02/08/1999	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	7.29		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công thương TPHCM	300,000	-	300,000	87	4321
15	SP-LT-TT118	Dương Trần Quang Huy	05/03/1996	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.40		TT	Công nghệ thông tin	Đại học FPT	300,000	-	300,000	87	4301
16	SP-LT-TT119	Lê Đức Huy	13/09/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90		TT	Thiết kế trang web	Đại học FPT	300,000	-	300,000	103	5130
17	SP-LT-TT120	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	13/9/2000	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	7.82		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	135	6710
18	SP-LT-TT121	Phạm Huỳnh Diễm Kiều	09/10/1995	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	6.79		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	136	6766
19	SP-LT-TT122	Nguyễn Quốc Khánh	06/09/1984	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90		TT	Quản trị máy tính	Cao đẳng nghề KTCN TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6784
20	SP-LT-TT124	Nguyễn Cao Nhã	14/02/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.67		TT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	-	300,000	103	5131
21	SP-LT-TT125	Nguyễn Hữu Phong	25/11/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng FPT Polytechnic TPHCM	300,000	-	300,000	99	4950
22	SP-LT-TT126	Nguyễn Ngọc Phú	11/07/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	102	5053

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
23	SP-LT-TT127	Võ Hữu Phước	10/08/1998	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.63		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	88	4352
24	SP-LT-TT128	Đỗ Văn Sơn	12/11/1996	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.60		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	105	5207
25	SP-LT-TT129	Ngô Hoài Sơn	14/12/1994	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.87		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công thương TPHCM	300,000	-	300,000	104	5183
26	SP-LT-TT131	Lê Nguyễn Anh Tuấn	06/02/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.65		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5230
27	SP-LT-TT132	Phạm Minh Tuyển	22/10/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.85		TT	Công nghệ thông tin	Cao đẳng công nghệ và quản trị Sonadezi	300,000	-	300,000	96	4778
28	SP-LT-TT133	Trần Minh Thành	06/12/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.25		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4427
29	SP-LT-TT134	Nguyễn Quốc Thuận	19/5/1998	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.76		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4818
30	SP-LT-TT136	Lê Ông Thanh Vân	29/6/1997	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	8.20		TT	Lập trình máy tính	Đại học FPT	300,000	-	300,000	100	4963

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: **Liên thông từ Cao đẳng**

Ngành: **Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng**

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-X12	Trương Đông Huân	20/04/1996	Nam	7510102	CĐCN/KSTH		3.22	TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng GTVT TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6738
2	SP-CT-X13	Bùi Xuân Kiên	15/08/1993	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	6.67		TT	Xây dựng cầu đường bộ	Cao đẳng GTVT Miền Trung	300,000	-	300,000	136	6771
3	SP-CT-X14	Đặng Diệp Linh	05/11/1992	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.25		TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Đại học xây dựng Miền Trung	300,000	-	300,000	96	4771
4	SP-CT-X15	Nguyễn Phương Nam	28/02/1993	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.72		TT	Kinh tế xây dựng	ĐH Xây dựng Miền Trung	300,000	-	300,000	135	6736
5	SP-CT-X16	Kiều Đức Nhật	17/08/1998	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	6.59		TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng xây dựng	300,000	-	300,000	105	5224
6	SP-CT-X17	Trần Phạm Thanh Sang	16/04/1992	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	6.69		TT	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Cao đẳng xây dựng số 2	300,000	-	300,000	97	4814
7	SP-LT-X19	Nguyễn Chí Công	30/12/1999	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.15		TT	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng Kiên Giang	300,000	-	300,000	135	6735
8	SP-LT-X110	Bùi Quang Đạo	21/03/1998	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	6.66		TT	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng Kiên Giang	300,000	-	300,000	135	6737
9	SP-LT-X111	Nguyễn Chí Hiền	15/08/1997	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.11		TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng xây dựng TP.HCM	300,000	-	300,000	98	4856
10	SP-LT-X112	Nguyễn Hoàng Bảo Liêm	12/11/2001	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	8.20		TT	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng GTVT TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5248
11	SP-LT-X113	Nguyễn Việt Minh	19/02/1996	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.36		TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng xây dựng TP.HCM	300,000	-	300,000	98	4855
12	SP-LT-X114	Thạch Kim Nhân	30/03/2001	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.88		TT	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng nghề Cần Thơ	300,000	-	300,000	106	5284
13	SP-LT-X115	Huỳnh Phát Tài	30/12/2001	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.62		TT	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng nghề Cần Thơ	300,000	-	300,000	104	5184
14	SP-LT-X116	Nguyễn Văn Tào	30/01/2000	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.80		TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng xây dựng TP.HCM	300,000	-	300,000	88	4396
15	SP-LT-X117	Phan Minh Tiến	05/01/2000	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng xây dựng TP.HCM	300,000	-	300,000	88	4395
16	SP-LT-X118	Phan Quốc Thái	15/02/1995	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.10		TT	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng nghề Cơ điện Xây dựng Việt Xô	300,000	-	300,000	135	6739
17	SP-LT-X119	Mai Văn Thành	16/09/1991	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng nghề Hàng Hải	300,000	-	300,000	93	4644
18	SP-LT-X120	Nguyễn Hy Vọng	10/01/2001	Nam	7510102	CĐCN/KSTH	8.00		TT	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng GTVT	300,000	-	300,000	106	5282

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ chế tạo máy

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

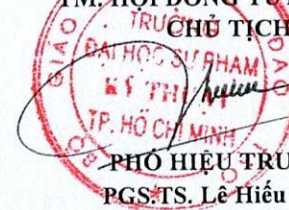
Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							ĐĐ 10	ĐĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-C12	Bùi Văn Thế Bảo	25/09/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.79		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4872
2	SP-CT-C14	Nguyễn Viết Công	15/11/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.27		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5227
3	SP-CT-C15	Nguyễn Trung Chánh	07/12/1992	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.16		TT	Sư phạm kỹ thuật CN	ĐH Sài Gòn	300,000	-	300,000	136	6759
4	SP-CT-C16	Lại Nguyên Chi	09/10/1998	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.76		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	135	6734
5	SP-CT-C17	Nguyễn Văn Phong Chương	08/05/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.14		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4975
6	SP-CT-C18	Đinh Văn Đạt	09/11/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6715
7	SP-CT-C19	Phạm Quốc Đạt	25/10/1999	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.83		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5147
8	SP-CT-C110	Phan Nguyễn Hậu	06/04/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4819
9	SP-CT-C112	Nguyễn Trọng Hiếu	01/07/1997	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.17		TT	Công nghệ chế tạo máy	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5271
10	SP-CT-C113	Phạm Minh Hòa	09/05/1993	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5162
11	SP-CT-C114	Võ Nguyễn Minh Hoàng	20/06/1999	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.56		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5092
12	SP-CT-C115	Trương Quang Huy	09/12/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5039
13	SP-CT-C116	Phan Thanh Huy	09/08/1995	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.60		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	100	4974
14	SP-CT-C117	Lê Thành Hưng	06/04/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5297
15	SP-CT-C118	Đặng Trung Kiên	04/01/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.51		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	97	4845
16	SP-CT-C119	Đặng Nguyễn Anh Khoa	31/08/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.12		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4925
17	SP-CT-C120	Nguyễn Thế Liệu	06/07/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.71	3.07	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	100	4973
18	SP-CT-C121	Hứa Minh Luân	04/05/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.94		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5037
19	SP-CT-C122	Nguyễn Đức Mẫn	22/01/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4999
20	SP-CT-C123	Nguyễn Hoài Nam	12/05/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.81		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	97	4846
21	SP-CT-C124	Lê Trung Nghĩa	14/08/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.19		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4815
22	SP-CT-C126	Hồ Thanh Phong	27/05/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.78		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4733
23	SP-CT-C128	Phùng Thanh Phương	16/03/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.74		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5176
24	SP-CT-C129	Huỳnh Thanh Quân	01/02/1995	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.54		TT	Công nghệ chế tạo máy	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4742
25	SP-CT-C131	Chế Thành Quốc	20/04/1999	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.61		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5055

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
26	SP-CT-C132	Nguyễn Tấn Tài	06/09/1997	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.32		TT	Bảo dưỡng công nghiệp	Dại học Bách Khoa TP.HCM	300,000	-	300,000	101	5038
27	SP-CT-C134	Nguyễn Mạnh Tường	23/01/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.15		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4850
28	SP-CT-C136	Nguyễn Xuân Thanh	05/03/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.97		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4957
29	SP-CT-C137	Trần Công Thành	12/05/1995	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5009
30	SP-CT-C138	Nguyễn Ngọc Thiên	11/06/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.17		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4822
31	SP-CT-C141	Phan Thanh Vi	15/02/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.06		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5163
32	SP-LT-C142	Dương Tuấn Anh	19/12/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.23	2.70	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	101	5006
33	SP-LT-C143	Nguyễn Chơn Ánh	07/04/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.97		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	100	4959
34	SP-LT-C144	Nguyễn Đức Bảo	27/09/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.60		TT	Người sửa chữa máy công cụ	Cao đẳng nghề Việt Nam-Singapore	300,000	-	300,000	135	6733
35	SP-LT-C145	Lê Sỹ Bình	26/10/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.20		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Dại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	300,000	-	300,000	135	6713
36	SP-LT-C146	Lê Trang Dũng	27/10/1996	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.40		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	300,000	-	300,000	136	6753
37	SP-LT-C147	Lê Đình Duy	31/07/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.84		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	97	4841
38	SP-LT-C148	Phạm Bùi Đăng Duy	26/01/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.70		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	105	5231
39	SP-LT-C149	Phạm Thành Dực	14/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.97		TT	Người sửa chữa máy công cụ	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4809
40	SP-LT-C150	Hồ Tiến Đạt	01/10/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.50		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	98	4867
41	SP-LT-C151	Quăng Quốc Phát Đạt	22/10/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.39		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6779
42	SP-LT-C152	Nguyễn Phạm Khánh Đăng	18/06/2003	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.30	2.78	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	101	5035
43	SP-LT-C153	Lý Hữu Đệ	01/02/1998	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.96		TT	Người sửa chữa máy công cụ	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5205
44	SP-LT-C154	Trần Trung Hậu	10/05/2003	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.10	2.63	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	100	4978
45	SP-LT-C155	Cao Vĩnh Hòa	29/01/1997	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.19	2.86	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Kiên Giang	300,000	-	300,000	104	5158
46	SP-LT-C156	Trần Long Hồ	07/10/1996	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.36		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4921
47	SP-LT-C157	Trần Trung Kiên	06/03/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.34		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5259
48	SP-LT-C158	Bùi Chánh Khang	12/11/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.91		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5089
49	SP-LT-C159	Phạm Anh Khánh	27/09/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.65		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	105	5247
50	SP-LT-C160	Nguyễn Gia Lân	28/08/2003	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.02	3.30	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	100	4976
51	SP-LT-C161	Trần Tuấn Lên	25/07/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH		2.56	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Ban công Công nghệ và Quản trị kinh doanh	300,000	-	300,000	136	6762
52	SP-LT-C162	Nguyễn Ngọc Long	15/07/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.50		TT	Người sửa chữa máy công cụ	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4886
53	SP-LT-C163	Đỗ Thành Long	20/04/1995	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.60		TT	Hàn	Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	95	4741
54	SP-LT-C164	Phan Minh Lộc	16/12/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.16		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	97	4805
55	SP-LT-C165	Nguyễn Bình Minh	13/03/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.60		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng nghề TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6758
56	SP-LT-C166	Đặng Xuân Mỹ	02/11/1992	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ Hàn	Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	105	5243
57	SP-LT-C167	Cao Đỗ Trí Nguyên	13/04/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.74		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	102	5097
58	SP-LT-C168	Nguyễn Thị Bích Nhung	30/08/1999	Nữ	7510202	CĐN/KSTH	7.28		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5025
59	SP-LT-C169	Lê Hoàng Phúc	08/08/2003	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.74	3.07	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	101	5005

((0:10:00))

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
60	SP-LT-C170	Thông Đức Phúc	25/04/1999	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.01		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4774
61	SP-LT-C171	Lê Hồng Phước	02/02/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.21		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4982
62	SP-LT-C172	Nguyễn Thanh Phương	07/12/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.90		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	300,000	-	300,000	101	5016
63	SP-LT-C173	Vô Nguyễn Tấn Phương	17/01/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.54		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4913
64	SP-LT-C174	Trần Võ Đông Phương	12/09/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.50		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5267
65	SP-LT-C175	Nguyễn Xuân Quang	12/02/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.78		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4745
66	SP-LT-C176	Lê Hoàng Tam	03/03/1998	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.96		TT	Người sửa chữa máy công cụ	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4933
67	SP-LT-C177	Hứa Thành Tâm	13/06/1999	Nam	7510202	CĐN/KSTH		2.62	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng BC Công nghệ & Quản trị Doanh nghiệp	300,000	-	300,000	100	4996
68	SP-LT-C178	Nguyễn Văn Tân	20/10/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.68		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4880
69	SP-LT-C179	Nguyễn Chi Tiến	04/10/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH		2.96	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5237
70	SP-LT-C180	Trần Quốc Tín	15/10/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.03		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5192
71	SP-LT-C181	Phan Kim Tuyền	28/10/2000	Nữ	7510202	CĐN/KSTH	6.96		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4989
72	SP-LT-C182	Trần Tấn Thanh	26/03/1999	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.60		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng nghề Tây Ninh	300,000	-	300,000	96	4764
73	SP-LT-C183	Nguyễn Ngọc Thông	04/02/1998	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.40		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng nghề Tây Ninh	300,000	-	300,000	97	4816
74	SP-LT-C184	Bùi Quốc Trung	25/04/2003	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.36	2.80	TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	100	4977
75	SP-LT-C185	Huỳnh Minh Trung	15/09/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.83		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4914
76	SP-LT-C186	Lê Quang Trung	02/01/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.60		TT	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4928
77	SP-LT-C187	Đoàn Khang Trường	07/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.78		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	101	5012
78	SP-LT-C188	Huỳnh Xuân Trường	08/09/1999	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.88		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4722
79	SP-LT-C189	Lê Quang Trường	24/03/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH		2.88	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5238
80	SP-LT-C190	Nguyễn Hoài Vũ	20/10/1997	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.30	3.63	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn	300,000	-	300,000	98	4854

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên
1	SP-CT-CD11	Đào Khả Bắc	31/08/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.85		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4793
2	SP-CT-CD12	Nguyễn Quốc Cường	12/03/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.29		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5102
3	SP-CT-CD14	Nguyễn Hữu Cho	13/03/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.03		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5213
4	SP-CT-CD15	Nguyễn Ngọc Danh	10/09/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.72		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	88	4384
5	SP-CT-CD16	Nguyễn Văn Thanh Duy	22/06/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.57		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4794
6	SP-CT-CD17	Phạm Tấn Đạt	10/02/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.24		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4776
7	SP-CT-CD18	Võ Thành Đạt	05/09/1999	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.99		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5226
8	SP-CT-CD19	Phạm Nhật Hào	02/11/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.73		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4337
9	SP-CT-CD110	Phùng Nhật Hào	08/11/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.77		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4331
10	SP-CT-CD111	Nguyễn Văn Hậu	26/05/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.49		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4792
11	SP-CT-CD112	Trần Minh Hiếu	19/06/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5104
12	SP-CT-CD113	Nguyễn Đình Học	30/01/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.90		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4795
13	SP-CT-CD114	Nguyễn Đình Hùng	26/07/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.94		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4768
14	SP-CT-CD115	Nguyễn Hoàng Hưng	04/12/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.62		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	88	4366
15	SP-CT-CD116	Võ Trần Tấn Khang	17/11/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.57		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5001
16	SP-CT-CD117	Nguyễn Văn Khoa	03/03/1995	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.80		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	91	4533
17	SP-CT-CD118	Nguyễn Đình Khôi	23/01/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4939
18	SP-CT-CD119	Võ Thái Lâm	14/11/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.42		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5002
19	SP-CT-CD120	Nguyễn Thanh Liêm	11/07/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.86		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5003
20	SP-CT-CD121	Lưu Cương Linh	24/10/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.50		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	88	4367
21	SP-CT-CD122	Vũ Triệu Long	31/03/1997	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5029
22	SP-CT-CD123	Nguyễn Thanh Lộc	24/02/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.29		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5240
23	SP-CT-CD125	Nguyễn Thanh Lương	06/10/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH		3.35	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5180
24	SP-CT-CD126	Phạm Minh Mẫn	03/01/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.39		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5221
25	SP-CT-CD127	Hoàng Công Minh	10/08/1997	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.40		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4707
26	SP-CT-CD128	Phạm Ngọc Minh	31/12/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.38		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4726

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên
27	SP-CT-CD129	Lê Minh	07/01/1997	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.57		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4313
28	SP-CT-CD130	Nguyễn Nhật Nam	19/05/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.48		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4790
29	SP-CT-CD131	Nguyễn Quỳnh Trung	18/09/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.65		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4994
30	SP-CT-CD132	Nguyễn Văn Nghĩa	17/12/1996	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.52		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4325
31	SP-CT-CD133	Nguyễn Trung Nghĩa	17/02/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.78		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4811
32	SP-CT-CD134	Lê Thanh Nguyên	25/11/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.17		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5241
33	SP-CT-CD135	Nguyễn Văn Nhơn	22/05/1999	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.11		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5190
34	SP-CT-CD136	Nguyễn Lê Hoàng Phú	28/04/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.07		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5004
35	SP-CT-CD138	Trần Ngọc Quân	07/07/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.21		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4808
36	SP-CT-CD139	Nguyễn Tấn Rin	16/09/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.11		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4944
37	SP-CT-CD140	Trịnh Ngọc Sang	29/09/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4934
38	SP-CT-CD141	Nguyễn Văn Sang	18/11/1999	Nam	7510203	CĐCN/KSTH		2.39	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Đà Nẵng	300,000	-	300,000	88	4388
39	SP-CT-CD142	Trần Mạnh Tài	13/03/1993	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5105
40	SP-CT-CD143	Trần Thanh Tuấn	21/02/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.68		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4727
41	SP-CT-CD144	Phan Quang Tuấn	01/05/1981	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.77		TT	Cơ điện	Đại học Bách Khoa	300,000	-	300,000	104	5153
42	SP-CT-CD145	Nguyễn Hoàng Quốc Thái	09/02/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4336
43	SP-CT-CD146	Huỳnh Ngọc Thành	12/10/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.61		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4936
44	SP-CT-CD147	Lý Tấn Thành	15/01/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5173
45	SP-CT-CD148	Huỳnh Quốc Thắng	19/03/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.26		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4784
46	SP-CT-CD150	Nguyễn Minh Trí	26/11/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.97		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4922
47	SP-CT-CD151	Lê Minh Trí	09/12/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.61		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4918
48	SP-CT-CD152	Thân Quốc Trình	16/08/1999	Nam	7510203	CĐCN/KSTH		2.90	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Đà Nẵng	300,000	-	300,000	100	4960
49	SP-CT-CD153	Nguyễn Trí Trọng	30/05/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4924
50	SP-CT-CD154	Nguyễn Minh Trung	23/03/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.54		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4923
51	SP-CT-CD156	Huỳnh Trung Trục	20/10/1999	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.75		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5100
52	SP-CT-CD157	Huỳnh Vũ Đại Trường	30/09/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.20		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5212
53	SP-CT-CD158	Nguyễn Hữu Quốc Trưởng	30/11/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.53		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5217
54	SP-LT-CD159	Phạm Ngọc Anh Chương	20/04/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.40		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	98	4882
55	SP-LT-CD160	Nguyễn Quốc Dũng	26/11/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.34		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	104	5174
56	SP-LT-CD161	Nguyễn Thành Duy	04/11/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	8.30		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5266
57	SP-LT-CD162	Nguyễn Minh Đoàn	10/02/2001	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.53		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5144
58	SP-LT-CD163	Phan Văn Hải	14/09/1998	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.80		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Long An	300,000	-	300,000	99	4902
59	SP-LT-CD164	Huỳnh Giang Hào	30/07/1996	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.33		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6783
60	SP-LT-CD166	Đỗ Minh Hoàng	18/04/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	6.98		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6781
61	SP-LT-CD167	Bùi Sĩ Hội	03/07/2000	Nam	7510203	CĐCN/KSTH	7.12		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5133

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên
62	SP-LT-CD168	Võ Phát Huy	04/11/1996	Nam	7510203	CĐN/KSTH	6.72		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	101	5019
63	SP-LT-CD169	Lê Duy Khang	24/04/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.40		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4737
64	SP-LT-CD170	Bùi Xuân Lệnh	28/04/1998	Nam	7510203	CĐN/KSTH	8.95		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	105	5211
65	SP-LT-CD171	Trần Đình Luân	21/04/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.12		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	97	4804
66	SP-LT-CD172	Chu Hoài Nam	02/12/1999	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.52		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	135	6743
67	SP-LT-CD173	Nguyễn Hồ Vĩ Phúc	16/06/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.70		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	92	4551
68	SP-LT-CD174	Ngô Văn Phúc	06/10/2001	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.79		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5253
69	SP-LT-CD175	Ngô Quốc Quý	10/03/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.07		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6748
70	SP-LT-CD176	Trần Ngọc Sơn	27/03/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.49		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5203
71	SP-LT-CD177	Trần Văn Sỹ	25/12/1999	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.11		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	89	4407
72	SP-LT-CD178	Nguyễn Thành Tài	22/12/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.33		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	87	4324
73	SP-LT-CD179	Nguyễn Khai Tâm	21/02/2001	Nam	7510203	CĐN/KSTH	8.10		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	136	6751
74	SP-LT-CD180	Trần Minh Toàn	06/12/2001	Nam	7510203	CĐN/KSTH	8.38		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	99	4903
75	SP-LT-CD181	Trần Quốc Thịnh	05/01/1999	Nam	7510203	CĐN/KSTH	6.65		TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5103
76	SP-LT-CD182	Lê Phú Thịnh	05/04/1999	Nam	7510203	CĐN/KSTH	6.79		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng nghề Cần Thơ	300,000	-	300,000	98	4879
77	SP-LT-CD183	Trần Bảo Thịnh	02/10/1999	Nam	7510203	CĐN/KSTH	6.81		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng nghề Cần Thơ	300,000	-	300,000	106	5264
78	SP-LT-CD184	Võ Minh Trí	04/02/1999	Nam	7510203	CĐN/KSTH	8.00		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	91	4547
79	SP-LT-CD185	Võ Minh Trung	28/04/2000	Nam	7510203	CĐN/KSTH	7.48		TT	Cơ điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6782
80	SP-LT-CD186	Lê Trung Vĩnh	31/12/1997	Nam	7510203	CĐN/KSTH		3.71	TT	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4605

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH

KÝ TÊN

TP. HỒ CHÍ MINH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Điểm chuẩn TT: 6,5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TD 10	TD 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-OT11	Nguyễn Thành Cung	25/06/1998	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.09		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	105	5235
2	SP-CT-OT12	Lâm Hiếu Chương	09/07/1997	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.22		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5168
3	SP-CT-OT13	Phan Đình Hải	01/12/1991	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.61		TT	Cơ khí Động lực	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4772
4	SP-CT-OT14	Võ Hiệp	20/12/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.82		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4995
5	SP-CT-OT16	Bùi Hữu Phương Nam	27/02/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.01		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5182
6	SP-CT-OT17	Lương Hữu Phước	23/11/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.52		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4942
7	SP-CT-OT19	Cao Như Quỳnh	05/04/1998	Nam	7510205	CĐCN/KSTH		2.59	TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	300,000	-	300,000	106	5281
8	SP-CT-OT110	Nguyễn Tấn Tài	20/03/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4906
9	SP-CT-OT111	Nguyễn Khắc Tùng	19/06/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.99		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5088
10	SP-CT-OT112	Vi Nguyễn Duy Thái	04/11/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.62		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5214
11	SP-CT-OT113	Trần Đức Thi	13/09/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.35		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5138
12	SP-LT-OT114	Nguyễn Hoài Bảo	05/09/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.55		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	104	5165
13	SP-LT-OT115	Võ Tấn Dũng	14/04/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.09		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5164
14	SP-LT-OT116	Nguyễn Mạnh Dũng	04/07/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.48		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5139
15	SP-LT-OT117	Vương Tài Duy	28/07/2002	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.40		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Nam - Singapore	300,000	-	300,000	101	5040
16	SP-LT-OT118	Lê Nguyễn Hải Dương	29/11/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5143
17	SP-LT-OT119	Nguyễn Thị Anh Đào	25/09/1999	Nữ	7510205	CĐCN/KSTH	8.17		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4747
18	SP-LT-OT120	Phạm Quốc Đạt	14/11/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.00		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4833
19	SP-LT-OT121	Trần Văn Đạt	20/07/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.49		TT	Công nghệ ô tô	Cao đẳng CNC Đồng An	300,000	-	300,000	136	6776
20	SP-LT-OT122	Hoàng Hải Đăng	21/09/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	300,000	-	300,000	95	4734
21	SP-LT-OT123	Lê Anh Đây	01/01/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6711
22	SP-LT-OT125	Nguyễn Văn Hào	04/02/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn	300,000	-	300,000	101	5010
23	SP-LT-OT126	Trần Văn Hiếu	30/10/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	100	4972
24	SP-LT-OT127	Lê Đức Huy	11/12/1990	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.00		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Nam - Singapore	300,000	-	300,000	136	6760
25	SP-LT-OT128	Bùi Đức Huy	06/09/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.84		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	100	4991
26	SP-LT-OT129	Kiều Tấn Huy	04/11/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.20		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4859

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
27	SP-LT-OT130	Châu Khánh Huy	20/02/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM	300,000	-	300,000	96	4753
28	SP-LT-OT131	Hồ Minh Huy	08/11/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.96		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	97	4827
29	SP-LT-OT132	Trịnh Gia Huy	11/10/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.11		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4802
30	SP-LT-OT133	Trần Vũ Tuyết Hường	21/07/2001	Nữ	7510205	CĐN/KSTH	8.40		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	300,000	-	300,000	135	6717
31	SP-LT-OT134	Trần Thế Hữu	17/07/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.76		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	104	5154
32	SP-LT-OT135	Nguyễn Quốc Hữu	15/09/1998	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.02		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4787
33	SP-LT-OT136	Đặng Quốc Kiệt	16/09/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.40		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5272
34	SP-LT-OT137	Huỳnh Duy Khiêm	27/11/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.83		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5275
35	SP-LT-OT138	Nguyễn Hoàng Lâm	25/12/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công thương Việt Nam	300,000	-	300,000	100	4968
36	SP-LT-OT139	Hồ Anh Linh	30/08/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề số 4	300,000	-	300,000	100	9985
37	SP-LT-OT140	Nguyễn Phạm Thành Long	10/05/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề số 8	300,000	-	300,000	99	4947
38	SP-LT-OT141	Trần Lê Hữu Luân	12/07/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.25		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4861
39	SP-LT-OT142	Dương Hoàng Luận	16/03/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.10		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	98	4866
40	SP-LT-OT143	Phan Hữu Lực	17/03/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.68		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	104	5166
41	SP-LT-OT144	Nguyễn Hoài Nam	01/12/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.09		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn	300,000	-	300,000	99	4912
42	SP-LT-OT145	Lê Ni	26/05/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5222
43	SP-LT-OT147	Nguyễn Hoàng Hoài Nhân	23/06/1992	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5200
44	SP-LT-OT148	Phan Hoài Phong	12/04/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.76		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4717
45	SP-LT-OT149	Dương Văn Phú	10/08/1993	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Đà Nẵng	300,000	-	300,000	95	4750
46	SP-LT-OT150	Phan Đình Phú	15/02/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.03		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4756
47	SP-LT-OT151	Nguyễn Hoàng Phúc	05/01/1995	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.50		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM	300,000	-	300,000	101	5027
48	SP-LT-OT152	Võ Tô Tấn Phúc	24/06/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.53		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	97	4826
49	SP-LT-OT153	Phạm Trọng Phước	19/11/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.30		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	300,000	-	300,000	101	5041
50	SP-LT-OT154	Nguyễn Văn Phước	06/06/1998	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.40		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM	300,000	-	300,000	100	4962
51	SP-LT-OT155	Nguyễn Lưu Phước	06/06/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.35		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	92	4597
52	SP-LT-OT156	Võ Mạnh Quỳnh	24/04/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.15		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4860
53	SP-LT-OT157	Trần Đức Thiên Sơn	26/02/1996	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Tp.HCM	300,000	-	300,000	105	5207
54	SP-LT-OT158	Đặng Ngọc Duy Tân	02/10/1998	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.90		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5008
55	SP-LT-OT159	Nguyễn Văn Tân	26/06/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	100	4966
56	SP-LT-OT160	Bùi Ngọc Tín	23/02/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.20		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	300,000	-	300,000	101	5031
57	SP-LT-OT161	Nguyễn Trọng Tín	17/04/1997	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.33		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4958
58	SP-LT-OT162	Lưu Đức Toàn	21/09/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.71		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5057
59	SP-LT-OT163	Đặng Huỳnh Anh Tú	31/05/1996	Nam	7510205	CĐN/KSTH		3.00	TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng KTKT TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5278
60	SP-LT-OT164	Nguyễn Đình Tuấn	10/10/1993	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.70		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương III	300,000	-	300,000	97	4813
61	SP-LT-OT165	Trần Quốc Thái	05/04/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.70		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	300,000	-	300,000	100	4990

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
62	SP-LT-OT166	Huỳnh Tấn Thành	21/12/1997	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.76		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5151
63	SP-LT-OT168	Lê Văn Thắng	29/04/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.40		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	300,000	-	300,000	98	4884
64	SP-LT-OT169	Nguyễn Văn Thịnh	18/06/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.90		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng GTVT TW3	300,000	-	300,000	104	5170
65	SP-LT-OT170	Lê Duy Thoại	16/01/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	300,000	-	300,000	97	4834
66	SP-LT-OT171	Lê Huỳnh Quốc Trung	20/06/1998	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.52		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	102	5095
67	SP-LT-OT172	Tô Nhật Trường	28/02/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.00		TT	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải	300,000	-	300,000	95	4729
68	SP-LT-OT173	Nguyễn Phú Quý Vương	28/8/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ Ô tô	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa	300,000	-	300,000	136	6763

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
 TRƯỞNG CHỦ TỊCH
 ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
 KỸ THUẬT
 TP. HỒ CHÍ MINH
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

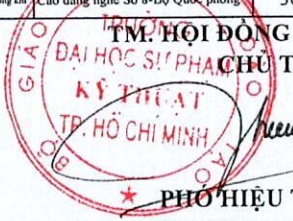
Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-N11	Nguyễn Quốc Bảo	12/03/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.15		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4837
2	SP-CT-N12	Huỳnh Quốc Bảo	13/01/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.73		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5218
3	SP-CT-N13	Nguyễn Phong Tuấn Cảnh	13/07/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4852
4	SP-CT-N15	Trương Quốc Chính	10/10/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.52		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4848
5	SP-CT-N16	Nguyễn Trọng Đạt	07/11/1998	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.90		TT	Công nghệ nhiệt lạnh	Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5111
6	SP-CT-N17	Phan Trường Giang	17/12/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.99		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4937
7	SP-CT-N19	Nguyễn Cảnh Hiếu	14/03/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.69		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4839
8	SP-CT-N110	Đoàn Sĩ Hùng	19/03/1998	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.51		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5026
9	SP-CT-N111	Nguyễn Vĩnh Khang	12/02/1999	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.69		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	91	4534
10	SP-CT-N112	Phạm Quốc Lộc	28/04/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.67		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4849
11	SP-CT-N113	Lữ Thành Mẫn	11/09/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.05		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5262
12	SP-CT-N114	Phạm Minh Pha	16/10/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	8.09		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5256
13	SP-CT-N115	Nguyễn Nhật Phi	07/11/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.91		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5096
14	SP-CT-N116	Nguyễn Duy Phi	01/07/2000	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.56		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5179
15	SP-CT-N118	Nguyễn Trọng Quân	20/10/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.63		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5024
16	SP-CT-N120	Đặng Phước Toàn	01/01/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5148
17	SP-CT-N121	Đoàn Khiết Tường	24/08/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.87		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4823
18	SP-CT-N122	Nguyễn Hoài Thương	23/10/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4838
19	SP-CT-N123	Nguyễn Lam Trường	02/01/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5260
20	SP-CT-N124	Phạm Quang Vinh	28/11/1997	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.26		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5146
21	SP-CT-N125	Lâm Hoàng Anh Vũ	14/02/2001	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	8.18		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4842
22	SP-LT-N126	Trần Bá Thế Anh	31/08/2000	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.17		TT	Vận hành, sửa chữa TB lạnh	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	100	4969
23	SP-LT-N127	Trịnh Hoàng Anh	26/02/2000	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.41		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5136
24	SP-LT-N128	Phạm Tuấn Anh	11/03/2000	Nam	7510206	CĐCN/KSTH	7.34		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6704

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
25	SP-LT-N129	Võ Huỳnh Ngọc Côn	10/02/1995	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.83		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	93	4620
26	SP-LT-N130	Võ Chí Cường	22/09/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.15		TT	Vận hành, sửa chữa TB lạnh	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4706
27	SP-LT-N132	Trần Thanh Chiến	14/01/1999	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.84		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	87	4338
28	SP-LT-N133	Mai Đình Chinh	08/09/1996	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.70		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	98	4857
29	SP-LT-N134	Võ Nhật Danh	03/07/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.70		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	300,000	-	300,000	103	5108
30	SP-LT-N135	Võ Nhật Danh	03/07/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.70		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	300,000	-	300,000	95	4708
31	SP-LT-N136	Võ Đức Duy	31/07/1998	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.95		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4865
32	SP-LT-N137	Dương Tấn Đạt	13/07/1994	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.43		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5110
33	SP-LT-N138	Trần Quang Đạt	31/01/1996	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.24		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4435
34	SP-LT-N139	Trần Văn Đông	05/04/1999	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.08		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4759
35	SP-LT-N140	Nguyễn Minh Đức	20/10/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.20		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng KTCN Việt Nam Hàn Quốc	300,000	-	300,000	100	4970
36	SP-LT-N141	Lê Trung Đức	22/11/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.40		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	98	4890
37	SP-LT-N142	Trần Trung Đức	10/06/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.38		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6725
38	SP-LT-N143	Dương Chí Hải	15/04/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.67		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5285
39	SP-LT-N144	Nguyễn Văn Hiếu	18/04/1996	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.96		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4405
40	SP-LT-N145	Thạch Ngọc Hòa	31/07/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.69		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4904
41	SP-LT-N146	Nguyễn Văn Hòa	12/06/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.96	3.24	TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Công nghiệp Huế	300,000	-	300,000	104	5185
42	SP-LT-N147	Mai Quốc Hùng	14/10/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.40		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Đại học Tôn Đức Thắng	300,000	-	300,000	87	4304
43	SP-LT-N148	Lê Quang Huy	17/11/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.20		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	103	5107
44	SP-LT-N149	Lê Hoàng Huy	13/06/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.89		TT	Lắp đặt thiết bị lạnh	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	88	4372
45	SP-LT-N150	Võ Anh Kiệt	07/05/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.70		TT	Lắp đặt thiết bị lạnh	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	88	4373
46	SP-LT-N151	Phan Hoàng Khải	23/09/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.67		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	94	4664
47	SP-LT-N152	Phạm Đình Khoa	08/09/1999	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.93		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6749
48	SP-LT-N153	Nguyễn Quang Linh	19/11/1999	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.10		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4781
49	SP-LT-N154	Huỳnh Minh Luân	21/11/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.95		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5113
50	SP-LT-N155	Hồ Tấn Minh	26/07/1995	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.93		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4409
51	SP-LT-N156	Nguyễn Quốc Nam	30/03/1998	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.27		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4333
52	SP-LT-N157	Nguyễn Văn Nam	04/04/1999	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.80		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	106	5276
53	SP-LT-N158	Trần Trung Nam	16/04/2002	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.90		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	135	6703
54	SP-LT-N159	Nguyễn Anh Ngọc	26/04/1996	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.64		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4780
55	SP-LT-N160	Trần Chí Nguyên	10/12/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.55		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4965
56	SP-LT-N161	Đỗ Hoàng Nhi	29/11/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.70		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa kk	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	98	4891

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
57	SP-LT-N162	Trương Minh Nhựt	29/09/1996	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.00		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng nghề Số 8-Bộ Quốc phòng	300,000	-	300,000	93	4635
58	SP-LT-N163	Lưu Thuận Phát	04/03/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.30		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	103	5109
59	SP-LT-N164	Lê Tấn Phát	02/07/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.80		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5137
60	SP-LT-N165	Nguyễn Ngọc Phú	02/02/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.45		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	93	4631
61	SP-LT-N166	Lê Hoàng Phúc	22/12/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.34		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	98	4870
62	SP-LT-N167	Nguyễn Duy Quang	03/11/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.16		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6723
63	SP-LT-N169	Ngô Văn Sang	17/02/1996	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.25		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4905
64	SP-LT-N170	Lê Thanh Tú	07/11/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.63		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4943
65	SP-LT-N171	Nguyễn Nhật Tuấn	19/08/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.15		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	91	4528
66	SP-LT-N172	Nguyễn Minh Tuấn	16/12/1997	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.50		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5051
67	SP-LT-N173	Võ Đình Tuyển	16/04/1994	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.01		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	99	4949
68	SP-LT-N174	Nguyễn Lê Xuân Thành	30/10/2003	Nam	7510206	CĐN/KSTH	8.00		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	135	6746
69	SP-LT-N175	Hồ Nhật Thiện	31/07/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.46		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6709
70	SP-LT-N176	Nguyễn Văn Thìn	20/05/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.10		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	87	4332
71	SP-LT-N177	Bùi Quang Thoại	24/01/1999	Nam	7510206	CĐN/KSTH	6.70		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4938
72	SP-LT-N178	Nguyễn Hữu Trí	29/11/2001	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.00		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng nghề TP.HCM	300,000	-	300,000	99	4946
73	SP-LT-N179	Phạm Hoàng Long Trí	20/06/2000	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.71		TT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	103	5112
74	SP-LT-N180	Nguyễn Huỳnh Nhật Trường	02/04/2003	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.80		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	100	9984
75	SP-LT-N181	Trần Thiện Toại	21/12/1997	Nam	7510206	CĐN/KSTH	7.30		TT	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí	Cao đẳng nghề Số 8-Bộ Quốc phòng	300,000	-	300,000	100	4956


TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-D12	Trần Quốc Bảo	30/06/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.47		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5181
2	SP-CT-D13	Nguyễn Hữu Bằng	07/04/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.26		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4832
3	SP-CT-D14	Mai Văn Cương	08/01/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5046
4	SP-CT-D15	Mã Quốc Chung	22/10/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4862
5	SP-CT-D17	Lê Minh Duy	29/06/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.69		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5234
6	SP-CT-D18	Trần Công Dương	08/03/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.35		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5261
7	SP-CT-D19	Trần Quốc Đạt	07/12/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.08		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Điện lực TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5288
8	SP-CT-D110	Ngô Chí Đông	28/05/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.62		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4714
9	SP-CT-D111	Nguyễn Hữu Đức	01/01/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.38		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4930
10	SP-CT-D112	Lê Hoàng Hải	07/05/1997	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.92		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	99	4910
11	SP-CT-D113	Nguyễn Xuân Hào	02/09/1985	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4836
12	SP-CT-D114	Trần Thanh Hiếu	02/08/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.63		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	136	6778
13	SP-CT-D115	Huỳnh Đức Hoàng	01/11/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4831
14	SP-CT-D116	Nguyễn Nhựt Huy	05/02/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.81		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	136	6770
15	SP-CT-D117	Trần Quốc Kiệt	25/12/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.10		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4711
16	SP-CT-D118	Mai Tuấn Kiệt	22/08/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.89		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4889
17	SP-CT-D119	Hà Văn Khiêm	29/03/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH		2.53	TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Giao thông Vận tải TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4789
18	SP-CT-D120	Nguyễn Phước Lâm	14/02/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.81		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5169
19	SP-CT-D121	Nguyễn Đức Lộc	17/03/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.80		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4715
20	SP-CT-D122	Nguyễn Phước Lộc	26/01/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.05		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6773
21	SP-CT-D123	Tạ Hữu Nam	26/01/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.71		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5160
22	SP-CT-D125	Vũ Thành Phát	17/12/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.86		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4981
23	SP-CT-D126	Võ Quang Phát	13/01/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.27		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4712
24	SP-CT-D127	Lâm Văn Phú	21/09/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.09		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5007
25	SP-CT-D129	Lê Thành Quốc	10/08/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.16		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5255
26	SP-CT-D130	Nguyễn Thanh Sang	18/07/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.52		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4853

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
27	SP-CT-D132	Nguyễn Thế Tài	02/02/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4748
28	SP-CT-D133	Nguyễn Anh Tài	11/12/1996	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.71		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5223
29	SP-CT-D134	Quảng Đại Tiên	14/11/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.09		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5194
30	SP-CT-D135	Kiều Văn Tuấn	23/03/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5094
31	SP-CT-D136	Đỗ Khắc Thịnh	01/10/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5034
32	SP-CT-D137	Hồ Quang Thịnh	01/08/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.28		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4720
33	SP-CT-D138	Nguyễn Minh Thuận	11/10/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.68		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4908
34	SP-CT-D139	Hồ Phúc Thượng	16/04/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4807
35	SP-CT-D140	Võ Duy Trọng	09/04/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.69		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4713
36	SP-CT-D141	Hồ Sĩ Trung	24/08/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.80		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4738
37	SP-CT-D142	Trần Chí Trung	13/03/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5161
38	SP-CT-D144	Nguyễn Văn Vinh	13/10/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.13		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5022
39	SP-LT-D145	Hồ Nhật Anh	15/02/1995	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.88		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5036
40	SP-LT-D146	Lê Đức Anh	08/08/1997	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.09		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4767
41	SP-LT-D147	Đỗ Đức Anh	09/08/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.96		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5251
42	SP-LT-D148	Phan Thanh Công Bảo	10/10/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.47		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5058
43	SP-LT-D149	Nguyễn Gia Bảo	27/12/1999	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.80		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	100	4954
44	SP-LT-D150	Dương Hoài Bảo	19/10/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.36		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5300
45	SP-LT-D151	Vì Nam Cảnh	20/11/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.05		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5091
46	SP-LT-D152	Nguyễn Minh Cường	06/03/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.70		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	95	4732
47	SP-LT-D153	Huỳnh Ngọc Dũng	25/12/1996	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.96		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	100	50000
48	SP-LT-D154	Nguyễn Hữu Định	05/08/1997	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.62		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4932
49	SP-LT-D155	Trương Quang Đức	30/09/1988	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.30		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	98	4883
50	SP-LT-D156	Nguyễn Văn Hải	01/06/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.19		TT	Kỹ thuật lắp đặt điện &DK trong CN	Cao đẳng Nghề Đà Nẵng	300,000	-	300,000	135	6750
51	SP-LT-D157	Hoàng Khắc Hải	25/10/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.99		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5293
52	SP-LT-D158	Lê Hoàng Huy	19/05/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.15		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4740
53	SP-LT-D159	Đình Thiên Huy	05/01/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5274
54	SP-LT-D160	Võ Văn Hữu	06/03/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.66		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6744
55	SP-LT-D161	Chung Nguyễn Hoàng Kha	02/03/1999	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	9.06		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6702
56	SP-LT-D162	Bùi Đoàn Quang Khải	25/01/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.64		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5279
57	SP-LT-D163	Vì Nam Khánh	22/04/1997	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.99		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5090
58	SP-LT-D164	Nguyễn Đông Khoa	02/04/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.91		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4749
59	SP-LT-D165	Đặng Minh Khôi	12/10/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.07		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4899
60	SP-LT-D166	Phùng Thanh Lâm	23/09/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.06		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4986

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
								TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
61	SP-LT-D167	Nguyễn Bạch	Long	24/10/1995	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.36		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4770
62	SP-LT-D168	Nguyễn Hải	Lộc	16/07/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.49		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5049
63	SP-LT-D169	Lại Hùng	Minh	02/03/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.90		TT	Điện công nghiệp	Đại học Tôn Đức Thắng	300,000	-	300,000	135	6741
64	SP-LT-D170	Phạm Văn	Như	19/10/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.10		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5292
65	SP-LT-D171	Lê Văn	Như	20/04/1997	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ kỹ thuật điện	Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5156
66	SP-LT-D173	Lê Đình	Phú	01/01/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.38		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4843
67	SP-LT-D174	Trần Hồng	Phúc	04/03/2002	Nữ	7510301	CĐN/KSTH	8.10		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4797
68	SP-LT-D175	Từ Đức	Phúc	24/07/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.00		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	136	6765
69	SP-LT-D176	Nguyễn Hữu	Phước	23/05/1995	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.40		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng nghề Việt Nam-Singapore	300,000	-	300,000	97	4840
70	SP-LT-D177	Trần	Phước	16/08/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.63		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4896
71	SP-LT-D178	Lê Nguyễn Chúc Mai Ngọc	Quốc	16/12/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.84		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4739
72	SP-LT-D179	Cao Ngọc	Sơn	20/03/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.83		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4900
73	SP-LT-D180	Trần Quang	Tá	03/07/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.10		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Giao thông Vận tải TP.HCM	300,000	-	300,000	101	5014
74	SP-LT-D181	Trương Tấn	Tài	02/04/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.60		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	106	5287
75	SP-LT-D182	Đỗ Quang	Tính	09/02/1997	Nam	7510301	CĐN/KSTH		3.04	TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	100	4992
76	SP-LT-D183	Cao Văn	Tú	08/10/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4751
77	SP-LT-D184	Nguyễn Anh	Tuấn	12/03/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.50		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5157
78	SP-LT-D185	Trần Thanh	Tùng	14/03/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.94		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6761
79	SP-LT-D186	Võ Anh	Tuyền	21/07/1995	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.20		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6740
80	SP-LT-D187	Hà Duy	Tuyền	03/09/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.30		TT	Điện công nghiệp	Đại học Tôn Đức Thắng	300,000	-	300,000	98	4874
81	SP-LT-D188	Đoàn Thanh	Thái	24/01/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.93		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc	300,000	-	300,000	95	4703
82	SP-LT-D189	Mai Nhật	Thành	26/11/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.18		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4909
83	SP-LT-D190	Nguyễn Thượng	Thành	06/06/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.32		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4898
84	SP-LT-D191	Phạm Đức	Thắng	30/04/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.29		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5047
85	SP-LT-D192	Lê Đình	Thìn	20/01/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.30		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Giao thông Vận tải TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4721
86	SP-LT-D194	Trần Công	Thịnh	15/06/1998	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4782
87	SP-LT-D195	Vũ Minh	Trí	29/07/1996	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.36		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4766
88	SP-LT-D196	Lê Minh	Trọng	17/05/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.30		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5052
89	SP-LT-D197	Đặng Quốc	Trọng	03/05/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.20		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	136	6755
90	SP-LT-D198	Nguyễn Quốc	Trọng	17/03/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.11		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	106	5299
91	SP-LT-D199	Lê Đình	Trọng	27/10/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.10		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk	300,000	-	300,000	135	6731
92	SP-LT-D1100	Đỗ Mạnh	Trung	09/04/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.80		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc	300,000	-	300,000	97	4829
93	SP-LT-D1101	Phan Minh	Trung	01/06/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.26		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4897
94	SP-LT-D1102	Võ Văn	Trung	16/10/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.80		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	135	6701

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
95	SP-LT-D1103	Lê Trọng Trường	29/11/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.30		TT	Điện công nghiệp	Đại học Tôn Đức Thắng	300,000	-	300,000	135	6730
96	SP-LT-D1104	Nguyễn Văn Trường	09/04/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.16		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5199
97	SP-LT-D1105	Dương Văn Út	05/12/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6745
98	SP-LT-D1106	Nguyễn Đức Văn	17/03/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.91		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4710
99	SP-LT-D1107	Trần Chí Vĩ	14/04/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH		2.78	TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An	300,000	-	300,000	99	4901
100	SP-LT-D1108	Trần Hoàng Vinh	08/08/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.87		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5232
101	SP-LT-D1109	Phạm Anh Vũ	08/03/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.20		TT	Điện công nghiệp	Đại học Tôn Đức Thắng	300,000	-	300,000	135	6729
102	SP-LT-D1110	Nguyễn Minh Vũ	13/08/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.34		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5197
103	SP-LT-D1111	Nguyễn Ken Win	17/04/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.02		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4746
104	SP-LT-D1112	Huỳnh Văn Ý	09/11/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.58		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5050

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
HỒ CHÍ MINH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: **Liên thông từ Cao đẳng**

Ngành: **Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông** Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
								TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-VT11	Nguyễn Tuấn	Anh	09/12/1993	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.60		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4791
2	SP-CT-VT12	Bùi Quốc	Bảo	23/08/1996	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.71		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	93	4616
3	SP-CT-VT13	Hán Văn	Dinh	28/8/1997	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.37		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5064
4	SP-CT-VT14	Nguyễn Thế	Dũng	29/10/1996	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4931
5	SP-CT-VT16	Nguyễn Tấn	Đạt	24/04/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.17		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4876
6	SP-CT-VT17	Nguyễn Hải	Đăng	09/01/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.18		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5063
7	SP-CT-VT19	Lê Minh	Đức	25/09/1996	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.96		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4927
8	SP-CT-VT110	Nguyễn Mai Công	Hào	30/09/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.23		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	93	4602
9	SP-CT-VT112	Châu Minh	Hoàng	25/9/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.19		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4892
10	SP-CT-VT113	Võ Ngọc	Hường	06/02/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.38		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	93	4648
11	SP-CT-VT114	Ngô Tuấn	Kha	22/12/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.24		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5134
12	SP-CT-VT115	Đặng Duy	Khang	21/01/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.58		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5195
13	SP-CT-VT116	Hồ Tuấn	Khanh	12/7/1994	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.28		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4617
14	SP-CT-VT117	Hoàng Duy	Khánh	21/10/1993	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.60	2.37	TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4645
15	SP-CT-VT118	Huỳnh Quang	Khánh	10/9/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.07		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4803
16	SP-CT-VT120	Lê Thị	Lanh	19/09/1997	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH	7.12		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4335
17	SP-CT-VT121	Nguyễn Tuấn	Lập	24/11/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.56		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5065
18	SP-CT-VT122	Võ Anh Trúc	Linh	14/07/1996	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH	7.46		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	102	5067
19	SP-CT-VT123	Phạm Dương Thảo	Linh	18/10/2000	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH	7.88		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4877
20	SP-CT-VT125	Nguyễn Hoàng	Minh	16/10/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.72		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4964
21	SP-CT-VT126	Đặng Thanh	Mộng	26/5/1996	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.41		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	102	5070
22	SP-CT-VT127	Phạm Hoàng	Nam	08/08/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.73		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	88	4385
23	SP-CT-VT129	Nguyễn Văn	Nam	07/11/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.91		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5250
24	SP-CT-VT130	Nguyễn Thị Ngọc	Nhân	02/9/1996	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH	6.68		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Đại học sư phạm kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5245
25	SP-CT-VT131	Châu Phúc	Nhân	25/01/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.16		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4869

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
								TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
26	SP-CT-VT132	Trần Thị Kiều	Nhi	17/02/1995	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH	6.70		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5062
27	SP-CT-VT135	Đỗ Hoàng	Phúc	09/6/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.54		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5075
28	SP-CT-VT136	Chu Ích Bảo	Phúc	01/11/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.57		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4783
29	SP-CT-VT138	Mạch Quốc	Quý	06/08/1995	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.57		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	93	4649
30	SP-CT-VT140	Nguyễn Công	Toàn	27/08/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.12		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	92	4576
31	SP-CT-VT141	Lê Anh	Tuấn	15/12/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.38		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4413
32	SP-CT-VT142	Nguyễn Trần Quang	Tuyển	01/09/2001	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.97		TT	Kỹ thuật viễn thông và mạng máy tính	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	104	5171
33	SP-CT-VT143	Nguyễn Minh	Thành	14/02/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.17		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4799
34	SP-CT-VT144	Phan Hữu	Thao	29/11/1993	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.70		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5073
35	SP-CT-VT145	Đình Văn	Thông	09/02/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.99		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5270
36	SP-CT-VT146	Phan Đình	Trung	12/06/1996	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.17		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5071
37	SP-CT-VT147	Trần Văn	Trung	20/12/1999	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.37		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5076
38	SP-CT-VT148	Huỳnh Đỗ Hoàng	Trung	25/11/1996	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.97		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4821
39	SP-CT-VT149	Phạm Như	Trường	15/12/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.62		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	92	4598
40	SP-CT-VT151	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	29/12/1997	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH		3.39	TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng Kinh tế-kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5066
41	SP-CT-VT152	Nguyễn Tuấn	Việt	24/11/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.35		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5263
42	SP-LT-VT153	Phạm Khánh	An	10/07/2001	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.64		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4997
43	SP-LT-VT154	Nguyễn Đình	Bố	20/5/1995	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.80		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Nghề TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5208
44	SP-LT-VT155	Trần Quốc	Công	23/06/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.19		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5020
45	SP-LT-VT156	Đặng Quốc	Duy	10/6/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.54		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	100	4988
46	SP-LT-VT157	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17/05/2001	Nữ	7510302	CĐCN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4601
47	SP-LT-VT158	Trần Đình	Đông	17/09/1997	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.20		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	102	5074
48	SP-LT-VT159	Lê Huy	Hoàng	28/06/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Kỹ thuật điện tử công nghiệp	Cao đẳng công nghệ quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	102	5069
49	SP-LT-VT160	Lương Văn	Hoàng	09/4/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.64		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	88	4370
50	SP-LT-VT161	Trung Tuấn	Kiệt	19/11/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.41		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	104	5196
51	SP-LT-VT162	Bùi Anh	Kỳ	16/01/2001	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.80		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4885
52	SP-LT-VT163	Dương Trịnh Bảo	Khanh	05/09/2001	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.70		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Kinh tế-kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4758
53	SP-LT-VT164	Lê Nguyễn Duy	Khánh	07/01/2001	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.57		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	101	5018
54	SP-LT-VT165	Nguyễn Minh	Lộc	27/06/2000	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	6.80		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Kinh tế-kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4788
55	SP-LT-VT166	Chu Đức Tuấn	Nam	22/12/1995	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.50		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng công nghệ quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	101	5042
56	SP-LT-VT167	Nguyễn Khánh	Nam	14/12/1998	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	7.30		TT	Kỹ thuật điện tử công nghiệp	Cao đẳng công nghệ quốc tế Lilama 2	300,000	-	300,000	102	5068
57	SP-LT-VT168	Trịnh Minh	Như	01/02/1995	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.63		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4724
58	SP-LT-VT169	Trần Bảo	Quốc	06/07/2001	Nam	7510302	CĐCN/KSTH	8.10		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4940

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
59	SP-LT-VT170	Lê Quang Quý	02/9/1993	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.70		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	135	6712
60	SP-LT-VT171	Nguyễn Quang Tâm	11/04/2000	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.23		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TPHCM	300,000	-	300,000	105	5209
61	SP-LT-VT172	Trần Nhật Tân	10/06/1996	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.44		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Công thương TPHCM	300,000	-	300,000	89	4401
62	SP-LT-VT173	Phạm Minh Tân	09/08/2000	Nam	7510302	CĐN/KSTH	6.67		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5294
63	SP-LT-VT174	Phạm Trọng Tuyên	01/02/1998	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.18		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	95	4731
64	SP-LT-VT175	Huỳnh Thiên Thành	19/04/2001	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.70		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4701
65	SP-LT-VT176	Vũ Đức Thắng	08/3/2000	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.49		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	97	4835
66	SP-LT-VT177	Võ Văn Thiện	03/08/1999	Nam	7510302	CĐN/KSTH	8.20		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	99	4948
67	SP-LT-VT178	Đặng Thị Kim Thoa	02/08/2000	Nữ	7510302	CĐN/KSTH	7.44		TT	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	Cao đẳng Công thương TPHCM	300,000	-	300,000	92	4600
68	SP-LT-VT179	Trần Thị Bé Thu	02/02/1994	Nữ	7510302	CĐN/KSTH	8.70		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng kỹ nghệ II	300,000	-	300,000	87	4303
69	SP-LT-VT180	Trần Tuấn Vũ	21/05/1992	Nam	7510302	CĐN/KSTH	7.40		TT	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng nghề Việt Nam Singapore	300,000	-	300,000	98	4895

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỞNG CHU TỊCH
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 5460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
								TD 10	TD 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-TD11	Đỗ Quang	Anh	08/11/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		2.79	TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	300,000	-	300,000	87	4307
2	SP-CT-TD13	Lê Duy	Cường	29/07/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.52		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5280
3	SP-CT-TD14	Nguyễn Quang	Chung	28/01/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.87		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	105	5210
4	SP-CT-TD15	Lê Minh	Duy	17/10/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.40		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4716
5	SP-CT-TD16	Trần Nhật	Duy	27/12/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5290
6	SP-CT-TD17	Nguyễn Thành	Đại	06/12/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.55		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	103	5140
7	SP-CT-TD18	Nguyễn Tiến	Đạt	10/07/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		2.95	TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	300,000	-	300,000	97	4847
8	SP-CT-TD110	Nguyễn Hoàng	Đức	31/08/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		2.73	TT	Tự động hóa	Trường Cao đẳng Điện lực TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5083
9	SP-CT-TD111	Nguyễn Văn	Được	14/06/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.49		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	94	4659
10	SP-CT-TD112	Nguyễn Tấn	Hải	02/09/1999	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.13		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5077
11	SP-CT-TD113	Bùi Văn	Hiệu	26/05/1994	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.54		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5087
12	SP-CT-TD114	Nguyễn Thanh	Hòa	14/02/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.70		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6727
13	SP-CT-TD115	Lê Phát	Huy	27/03/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.70		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5298
14	SP-CT-TD116	Phan Tấn	Hung	07/02/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		3.36	TT	Tự động hóa	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng	300,000	-	300,000	87	4349
15	SP-CT-TD117	Nguyễn Trung	Kiên	16/07/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.50		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6726
16	SP-CT-TD118	Võ Tuấn	Kiệt	29/08/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.71		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4915
17	SP-CT-TD119	Võ Hoàng	Lam	09/05/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.11		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6707
18	SP-CT-TD120	Nguyễn Viết	Long	12/11/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.23		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	98	4858
19	SP-CT-TD122	Trần Huy	Minh	24/01/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4340
20	SP-CT-TD123	Hồ Văn	Nhân	09/05/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.10		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4796
21	SP-CT-TD124	Nguyễn Hồ	Phúc	23/10/1995	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.37		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4743
22	SP-CT-TD125	Đào Hoàng Hồng	Phúc	11/04/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.04		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	89	4426
23	SP-CT-TD126	Nguyễn Thanh	Phước	12/04/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.28		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5296
24	SP-CT-TD127	Trịnh Minh	Phương	24/01/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.27		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4757
25	SP-CT-TD128	Nguyễn Minh	Quang	10/12/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.45		TT	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	87	4339

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
								TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
26	SP-CT-TD129	Lương Đình	Quốc	15/10/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		2.70	TT	Tự động hóa	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật - ĐH Đà Nẵng	300,000	-	300,000	87	4343
27	SP-CT-TD130	Lê Hoàng	Sơn	06/10/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		3.02	TT	Tự động hóa	Trường Cao đẳng Điện lực TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6747
28	SP-CT-TD131	Lê Thị Thảo	Sương	04/05/2000	Nữ	7510303	CĐCN/KSTH	7.49		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	96	4752
29	SP-CT-TD132	Huỳnh Trung	Tính	20/05/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		3.09	TT	Tự động hóa	Trường Cao đẳng Điện lực TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5152
30	SP-CT-TD134	Đình Văn	Thanh	07/07/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.87		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	99	4926
31	SP-CT-TD135	Tô Văn Tuấn	Vĩ	20/02/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.40		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	106	5292
32	SP-CT-TD136	Trương Hoàng	Vĩ	20/11/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.66		TT	Tự động hóa	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6780
33	SP-CT-TD137	Nguyễn Văn	Vũ	08/08/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.57		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	102	5080
34	SP-CT-TD139	Nguyễn Ngọc	Vương	26/06/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	-	300,000	135	6705
35	SP-LT-TD140	Nguyễn Thanh	Bền	05/01/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.02		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	135	6721
36	SP-LT-TD142	Lê Hoàng	Cường	26/03/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		3.22	TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4627
37	SP-LT-TD144	Phạm Văn	Duy	26/10/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.86		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	95	4704
38	SP-LT-TD146	Nguyễn Trọng	Đức	13/03/1999	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.83		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	135	6724
39	SP-LT-TD147	Lê Tấn	Hùng	07/07/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.10		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	97	4844
40	SP-LT-TD148	Trương Quốc	Huy	07/01/1999	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.19		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	99	4907
41	SP-LT-TD149	Nguyễn Đình	Khang	02/08/1999	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	300,000	-	300,000	101	5017
42	SP-LT-TD150	Nguyễn	Khánh	18/12/1992	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		2.76	TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	300,000	-	300,000	105	5206
43	SP-LT-TD151	Trần Nguyễn	Khoa	09/04/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH		3.32	TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	101	5023
44	SP-LT-TD152	Hoàng Công	Lâm	26/10/1994	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.71		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	98	4887
45	SP-LT-TD153	Phạm Thanh	Liêm	10/06/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.95		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	98	4888
46	SP-LT-TD154	Nguyễn Hoàng	Linh	27/05/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.55		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4627
47	SP-LT-TD155	La Tấn	Lợi	01/11/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.99		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	136	6772
48	SP-LT-TD156	Nguyễn Văn	Nam	20/11/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.93		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	95	4705
49	SP-LT-TD157	Lê Trọng	Nghĩa	12/02/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.83		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6768
50	SP-LT-TD158	Phan Trường	Nguyễn	28/12/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.28		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	96	4760
51	SP-LT-TD159	Lưu Khánh	Phong	05/11/1998	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.72		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	136	6757
52	SP-LT-TD160	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	08/05/1994	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	9.05		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	94	4691
53	SP-LT-TD161	Đặng Minh	Phước	19/01/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.21		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	92	4587
54	SP-LT-TD162	Trần Hữu	Phước	02/05/1999	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.67		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	89	4411
55	SP-LT-TD163	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	28/11/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.72		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5283
56	SP-LT-TD164	Nguyễn Tú	Tài	11/01/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.35		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	98	4873
57	SP-LT-TD165	Trương Minh	Tiến	23/12/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.44		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4622
58	SP-LT-TD166	Đỗ Văn	Tiến	25/06/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.15		TT	Công nghệ Kỹ thuật điện tử và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4623

11 2 2 2 1 1

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
59	SP-LT-TD167	Hoàng Xuân Tuấn	31/03/2000	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.56		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	89	4419
60	SP-LT-TD168	Đỗ Quốc Tuấn	10/12/2001	Nam	7510303	CĐN/KSTH		3.38	TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4628
61	SP-LT-TD170	Huỳnh Tấn Thành	27/06/2001	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	92	4595
62	SP-LT-TD171	Nguyễn Văn Thế	21/04/1999	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.23		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	88	4365
63	SP-LT-TD172	Lê Xuân Thi	27/07/1997	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.28		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5079
64	SP-LT-TD173	Nguyễn Văn Thịnh	14/12/2001	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.81		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	93	4624
65	SP-LT-TD174	Trần Văn Thủy	08/01/2001	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.82		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	97	4812
66	SP-LT-TD175	Trần Nguyễn Minh Triều	15/11/1999	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.68		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	-	300,000	88	4387
67	SP-LT-TD176	Lê Hoàng Vinh	02/10/2000	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.64		TT	Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5252



TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 5460/QĐ-ĐHSPKT ngày 14 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: **Liên thông từ Cao đẳng**

Ngành: **Công nghệ May**

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	SP-CT-M11	Trần Thị Ngọc Diệp	19/06/1988	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.76		TT	Công nghệ may	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	101	5011
2	SP-CT-M12	Trần Huỳnh Mai Nguyên	04/02/1998	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.14		TT	Công nghệ may	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5198
3	SP-CT-M14	Đoàn Thị Cẩm Thúy	10/07/1995	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.46		TT	Thiết kế thời trang	Cao đẳng KTKT Vinatex TP.HCM	300,000	-	300,000	97	4820
4	SP-LT-M15	Nguyễn Quỳnh Tú Anh	04/11/2001	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.36		TT	Công nghệ may	Cao đẳng nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	100	4980
5	SP-LT-M16	Đinh Trí Cường	30/03/1991	Nam	7540209	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Thiết kế thời trang	Cao đẳng VHNT TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5295
6	SP-LT-M17	Nguyễn Thị Hồng Duyên	09/05/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.76		TT	May Thiết kế thời trang	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6769
7	SP-LT-M18	Trần Nguyễn Minh Khánh	06/02/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	9.02		TT	Công nghệ may	Cao đẳng nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	96	4800
8	SP-LT-M19	Chu Thị Loan	06/11/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	8.44		TT	May Thời trang	Cao đẳng Công nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5258
9	SP-LT-M110	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/09/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	8.12		TT	Công nghệ may	Cao đẳng nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	102	5199
10	SP-LT-M111	Lê Thị Kim Ngọc	20/05/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	8.86		TT	Công nghệ may	Cao đẳng nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5172
11	SP-LT-M112	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	19/03/2001	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	8.36		TT	Công nghệ may	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	105	5204
12	SP-LT-M113	Phạm Thị Thu Nguyệt	22/02/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	8.70		TT	Thiết kế thời trang	Cao đẳng Công nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	98	4893
13	SP-LT-M114	Nguyễn Thị Quỳnh Như	02/10/2000	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	6.58		TT	Công nghệ may	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	-	300,000	136	6764
14	SP-LT-M115	Phùng Thị Thủy Tiên	28/10/1991	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.77		TT	Thiết kế thời trang	Cao đẳng VHNT TP.HCM	300,000	-	300,000	104	5178
15	SP-LT-M116	Phạm Thị Anh Thư	30/08/2001	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	7.89		TT	Công nghệ may	Cao đẳng nghệ TP.HCM	300,000	-	300,000	106	5257
16	SP-LT-M117	Nguyễn Thị Anh Thư	21/10/1999	Nữ	7540209	CĐCN/KSTH	8.31		TT	May Thiết kế thời trang	Cao đẳng Công thương TP.HCM	300,000	-	300,000	91	4524

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
PHÓ HIẾU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang